

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 (đợt 1)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan và địa phương (đợt 2);*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được HĐND tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 1);*

Căn cứ Quyết định số 3799/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Thanh Hóa (đợt 1); Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5244/SKHĐT-THQH ngày 03/8/2022 về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 13/7/2022, Nghị quyết số 254/NQ-HĐND ngày 13/7/2022, Nghị quyết số 255/NQ-HĐND ngày 13/7/2022.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quyết định điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 1), với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của 09 dự án, với số vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 giảm là 117,211 tỷ đồng, trong đó 01 dự án sử dụng vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 là 6,5 tỷ đồng, 08 dự án sử dụng vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 110,711 tỷ đồng.

2. Số vốn điều chỉnh giảm nêu trên, giao kế hoạch chi tiết cho các dự án sau:

a) Đối với vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025: Bố trí 6,5 tỷ đồng cho Dự án Đại lộ Đông - Tây thành phố Thanh Hóa, đoạn từ thị trấn Rừng Thông đến Quốc lộ 1A.

b) Đối với vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước giai đoạn 2021-2025 (110,711 tỷ đồng):

- Bố trí 52,08 tỷ đồng cho 09 dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt.

- Bố trí 58,631 tỷ đồng cho Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Bà Triệu, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc (Nhóm dự án số 4).

*(Chi tiết danh mục và mức vốn của từng dự án có Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của pháp luật về đầu tư công, thông báo điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung

hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của từng dự án cho các chủ đầu tư để tổ chức triển khai thực hiện.

b) Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các dự án được phê duyệt và căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật, chủ trì, phối hợp với các ngành và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của các dự án nêu trên, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đảm bảo theo quy định.

c) Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án, đảm bảo triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ, chất lượng và phát huy hiệu quả đầu tư, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các chủ đầu tư lập hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định.

3. Kho Bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc giải ngân của các chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định; phù hợp với mức vốn trung hạn giai đoạn 2021- 2025, mức vốn hằng năm và mục tiêu đầu tư theo các quyết định giao kế hoạch chi tiết của UBND tỉnh.

4. Các chủ đầu tư căn cứ danh mục và mức vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được thông báo, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với mức vốn được giao; hằng năm căn cứ mức vốn, mục tiêu đầu tư được UBND tỉnh giao kế hoạch để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản và thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, các đơn vị liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Minh Tuấn**

**Phụ lục: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
**ĐƯỢC HĐND TỈNH QUYẾT ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 123/NQ-HĐND NGÀY 11/10/2021 (ĐỢT 1)**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

*(Đơn vị tính: Triệu đồng)*

Số TT	Danh mục dự án/Nguồn vốn	Lĩnh vực	Quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt		Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Đã giao chi tiết giai đoạn 2021-2022	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	<b>TỔNG SỐ</b>			6.989.268	4.674.984	4.282.313	2.859.581	2.450.955	1.724.403	1.172.877	1.025.171	117.211	117.211	1.172.877	
A	<b>DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>			4.507.570	3.842.510	2.951.779	2.355.762	1.555.791	1.486.748	1.016.983	878.988	117.211		899.772	
A.1	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH TỈNH</b>			96.765	50.000	25.000	25.000	71.765	25.000	23.000	11.800	6.500		16.500	
I	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>			96.765	50.000	25.000	25.000	71.765	25.000	23.000	11.800	6.500		16.500	
a	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025</i>			96.765	50.000	25.000	25.000	71.765	25.000	23.000	11.800	6.500		16.500	
1	Mở rộng tuyến đường C-C3, Khu du lịch Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Du lịch	1299/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	96.765	50.000	25.000	25.000	71.765	25.000	23.000	11.800	6.500		16.500	UBND thị xã Nghi Sơn
A.2	<b>CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC</b>			4.410.805	3.792.510	2.926.779	2.330.762	1.484.026	1.461.748	993.983	867.188	110.711		883.272	
I	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>			4.410.805	3.792.510	2.926.779	2.330.762	1.484.026	1.461.748	993.983	867.188	110.711		883.272	
a	<i>Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt</i>			4.323.084	3.784.789	2.867.679	2.330.762	1.455.405	1.454.027	986.262	867.188	102.990		883.272	
1	Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT).	Giao thông	3266/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	3.948.843	3.448.843	2.564.422	2.064.422	1.384.421	1.384.421	900.000	813.666	86.334		813.666	
2	Bảo tồn, tôn tạo Khu lăng mộ Triết Vương Trịnh Tùng, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	Văn hóa	3972/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	14.963	13.987	14.351	13.951	612	36	4.894	36	4.858		36	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
3	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hoá Nghệ Vet, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	Văn hóa	422/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	33.054	23.854	28.694	19.494	4.360	4.360	7.589	4.360	3.229		4.360	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
4	Đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL 217 với QL 45 huyện Vĩnh Lộc.	Giao thông	322/QĐ-UBND ngày 19/01/2022	149.081	129.285	124.253	104.457	24.828	24.828	27.600	24.828	2.772		24.828	UBND huyện Vĩnh Lộc
5	Nâng cấp, cải tạo đường từ Tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi Tỉnh lộ 517 (xã Đồng Lợi), huyện Triệu Sơn.	Giao thông	1616/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	82.388	77.099	70.487	66.000	11.901	11.099	11.639		540		11.099	UBND huyện Triệu Sơn
6	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Nga Tân, Nga Tiến, Nga Thái, huyện Nga Sơn.	Giao thông	1256/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	24.460	21.460	9.600	6.600	14.860	14.860	15.131	10.800	271		14.860	UBND huyện Nga Sơn
7	Hoàn chỉnh nội thất, đồ thờ, đèn thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng.	Văn hóa	4840/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	70.295	70.261	55.872	55.838	14.423	14.423	19.409	13.498	4.986		14.423	Sở Xây dựng Thanh Hóa

Số TT	Danh mục dự án/Nguồn vốn	Lĩnh vực	Quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt		Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Đã giao chi tiết giai đoạn 2021-2022	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<i>b</i>	<i>Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>			87.721	7.721	59.100		28.621	7.721	7.721		7.721			
1	Nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Mường Lát - Đồn Biên phòng 483 - Mốc G3, huyện Mường Lát (GD1).	Quốc phòng	3809/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; 4750/QĐ-UBND ngày 13/11/2019; 1741/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	87.721	7.721	59.100		28.621	7.721	7.721		7.721			Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>			<b>2.481.698</b>	<b>832.474</b>	<b>1.330.534</b>	<b>503.819</b>	<b>895.164</b>	<b>237.655</b>	<b>155.894</b>	<b>146.183</b>		<b>117.211</b>	<b>273.105</b>	
<b>B.1</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH TỈNH</b>			<b>1.283.327</b>	<b>300.000</b>	<b>619.919</b>	<b>220.319</b>	<b>663.408</b>	<b>79.681</b>	<b>50.000</b>	<b>40.000</b>		<b>6.500</b>	<b>56.500</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>			<b>1.283.327</b>	<b>300.000</b>	<b>619.919</b>	<b>220.319</b>	<b>663.408</b>	<b>79.681</b>	<b>50.000</b>	<b>40.000</b>		<b>6.500</b>	<b>56.500</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025</i>			<i>1.283.327</i>	<i>300.000</i>	<i>619.919</i>	<i>220.319</i>	<i>663.408</i>	<i>79.681</i>	<i>50.000</i>	<i>40.000</i>		<i>6.500</i>	<i>56.500</i>	
1	Đại lộ Đông - Tây thành phố Thanh Hóa, đoạn từ thị trấn Rừng Thông đến Quốc lộ 1A.	Giao thông	2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016; 3224/QĐ-UBND ngày 27/8/2018; 930/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	1.283.327	300.000	619.919	220.319	663.408	79.681	50.000	40.000		6.500	56.500	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa
<b>B.2</b>	<b>CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC</b>			<b>1.198.371</b>	<b>532.474</b>	<b>710.615</b>	<b>283.500</b>	<b>231.756</b>	<b>157.974</b>	<b>105.894</b>	<b>106.183</b>		<b>110.711</b>	<b>216.605</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>			<b>942.371</b>	<b>441.474</b>	<b>710.615</b>	<b>283.500</b>	<b>231.756</b>	<b>157.974</b>	<b>105.894</b>	<b>106.183</b>		<b>52.080</b>	<b>157.974</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt</i>			<i>942.371</i>	<i>441.474</i>	<i>710.615</i>	<i>283.500</i>	<i>231.756</i>	<i>157.974</i>	<i>105.894</i>	<i>106.183</i>		<i>52.080</i>	<i>157.974</i>	
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc.	Giao thông	4765/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	116.844	116.844	75.000	75.000	41.844	41.844	33.000	33.000		8.844	41.844	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa
2	Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 1A đi Khu du lịch biển Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 2).	Giao thông	1356/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	77.625	55.000	13.000	13.000	64.625	42.000	36.500	31.000		5.500	42.000	UBND huyện Hoằng Hóa
3	Nâng cấp, cải tạo đường nối Quốc lộ 1A với Quốc lộ 10 (đoạn từ Đại Lộc đến Liên Lộc), huyện Hậu Lộc.	Giao thông	2979/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	130.830	124.994	103.753	98.000	27.077	26.994	23.394	23.394		3.600	26.994	UBND huyện Hậu Lộc
4	Nâng cấp, cải tạo đường Mỹ Tân - Cao Ngọc - Văn Am, huyện Ngọc Lặc, nối tiếp với xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh.	Giao thông	83/QĐ-UBND ngày 05/01/2022	119.359	116.967	94.892	92.500	24.467	24.467	13.000	13.000		11.467	24.467	UBND huyện Ngọc Lặc

Số TT	Danh mục dự án/Nguồn vốn	Lĩnh vực	Quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt		Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Đã giao chi tiết giai đoạn 2021-2022	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Đê, kè bờ tả sông Yên thuộc địa phận 03 xã Quảng Trung, Quảng Chính, Quảng Thạch, huyện Quảng Xương.	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2722/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	106.368	1.545	92.683		13.685	1.545				1.545	1.545	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa
6	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Lò, huyện Quan Sơn.	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	4683/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	62.917	9.917	43.700	5.000	19.217	4.917				4.917	4.917	UBND huyện Quan Sơn
7	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Xuân Thượng - Khe Khoai xã Thượng Ninh, huyện Thường Xuân.	Giao thông	2253/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	13.994	4.572	9.264		4.730	4.572				4.572	4.572	UBND huyện Như Xuân
8	Đường từ bản Chiềng, xã Nam Động, huyện Quan Hóa đi bản Súa, huyện Quan Sơn.	Giao thông	3325/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	53.883	5.846	48.037		5.846	5.846				5.846	5.846	UBND huyện Quan Hóa
9	Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 1A đi Khu du lịch Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa (GD 1).	Du lịch	2701/QĐ-UBND ngày 09/7/2020	260.551	5.789	230.286		30.265	5.789		5.789		5.789	5.789	UBND huyện Hoằng Hóa
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>			<b>256.000</b>	<b>91.000</b>								<b>58.631</b>	<b>58.631</b>	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Bà Triệu, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc (Nhóm dự án số 4).	Văn hóa	200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	256.000	91.000								58.631	58.631	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa